

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÍN TƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÍN TƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÍN TƯỜNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602114486

**3. Ngày thành lập:** 24/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

32/3 Trần Quốc Toản, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên , Tỉnh An Giang,  
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [ktxdtintuong@gmail.com](mailto:ktxdtintuong@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4293        |
| 6.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4291        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình<br>Chi tiết: Thẩm tra thiết kế kỹ thuật - dự toán các công trình xây dựng<br>Chi tiết: Lập dự toán các công trình: dân dụng, thủy lợi, đường giao thông<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch đô thị<br>Chi tiết: Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng<br>Chi tiết: Quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Chi tiết: Giám sát thi công các công trình: đường giao thông, dân dụng, thủy lợi<br>Chi tiết: Đo vẽ hình đồ, trắc dọc, trắc ngang, công trình thủy lợi đến cấp IV, đường giao thông nông thôn<br>Chi tiết: Thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp, công trình hạ thuật kỹ thuật đô thị<br>Chi tiết: Khảo sát địa chất xây dựng công trình<br>Chi tiết: Khảo sát địa hình xây dựng công trình<br>Chi tiết: Dịch vụ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và công nghệ xử lý môi trường (rắn, lỏng, khí) Chi tiết: Lập dự toán các công trình: Công trình dân dụng - công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình cấp thoát nước, môi trường | 7110(Chính) |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1629        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUANG MINH Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 16/09/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy chứng thực cá nhân: 351326779  
Ngày cấp: 19/06/2014 Nơi cấp: Công An Tỉnh An Giang  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 32/3 Trần Quốc Toản, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam  
Chỗ ở hiện tại: 32/3 Trần Quốc Toản, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang